

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Đ/ 25
R: 09

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 34

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ấn	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122270143	Phạm Khải	Ấn	22/06/2004	CCQ2227C		<i>[Signature]</i>	8,0	5,0	6,2	
2	2121270120	Nguyễn Tấn	Anh	28/04/2003	CCQ2127D		<i>[Signature]</i>	7,0	5,9	6,3	
3	2122110192	Lê Hữu Kế	Bửu	31/10/2004	CCQ2211E		<i>[Signature]</i>	7,2	4,6	5,6	
4	2122170014	Nguyễn Văn Đức	Cánh	02/02/2004	CCQ2217A		<i>[Signature]</i>	7,5	6,6	7,0	
5	2122170550	Nguyễn Bá	Đạt	16/09/2004	CCQ2217N		<i>[Signature]</i>	6,5	4,7	5,4	
6	2121170147	Phạm Tuấn	Đạt	01/11/2003	CCQ2117E			0,0			
7	2122170016	Nguyễn Đức	Duy	13/05/2004	CCQ2217A		<i>[Signature]</i>	7,0	3,6	5,0	
8	2122270085	Đinh Thị Ngọc	Hậu	04/07/2004	CCQ2227C		<i>[Signature]</i>	7,7	3,6	5,2	
9	2123200444	Huỳnh Phương	Hoà	24/09/2005	CCQ2320E		<i>[Signature]</i>	6,0	4,5	3,0	HL
10	2123170488	Thái Thanh	Hoài	07/08/2005	CCQ2317N			0,0			
11	2122120375	Hà Trần Quốc	Huy	02/09/2004	CCQ2212K			0,0			
12	2122170725	Nguyễn Quốc	Huy	01/11/2003	CCQ2217R		<i>[Signature]</i>	7,8	1,2	3,8	HL
13	2122170541	Phạm Quang	Huy	10/10/2004	CCQ2217N		<i>[Signature]</i>	6,0	2,0	3,6	HL
14	2123050228	Phạm Quang	Huy	08/06/2005	CCQ2305E		<i>[Signature]</i>	8,9	5,2	6,7	
15	2123170454	Trần Đỗ	Khải	13/06/2005	CCQ2317M			3,0			
16	2121140015	Phạm Minh	Khôi	05/11/2003	CCQ2114A			0,0			
17	2121030032	Cao Đức	Lâm	14/10/2003	CCQ2103A			0,0			
18	2122170218	Trần Thanh	Lâm	04/01/2004	CCQ2217F			0,0			
19	2122110304	Văn Bá	Liêm	07/11/2004	CCQ2211H		<i>[Signature]</i>	7,0	6,6	6,8	
20	2123220072	Huỳnh Phước	Lộc	19/12/2005	CCQ2322B		<i>[Signature]</i>	6,5	5,9	6,1	
21	2122170191	Tạ Hoàng	Long	12/03/2004	CCQ2217E		<i>[Signature]</i>	7,0	5,0	5,8	
22	2123030252	Hoàng Đức	Mạnh	23/08/2005	CCQ2303G		<i>[Signature]</i>	7,5	6,5	6,9	
23	2122100311	Hồ Ngọc	Nhi	27/01/2004	CCQ2220G			4,0			
24	2122120263	Hà Thị Tuyết	Nhung	06/02/2004	CCQ2212H			4,1			
25	2122260022	Trần Thị Hồng	Nhung	30/01/2004	CCQ2226A		<i>[Signature]</i>	7,4	6,7	7,0	
26	2123030254	Huỳnh Đỗ Gia	Phát	13/08/2005	CCQ2303G		<i>[Signature]</i>	8,2	6,5	7,2	
27	2122190087	Nguyễn Tuấn	Phát	17/07/2001	CCQ2219C		<i>[Signature]</i>	5,1	4,5	4,7	HL
28	2122030101	Lê Hoàng	Phúc	01/01/2004	CCQ2203C		<i>[Signature]</i>	7,4	3,7	5,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ I (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401601)

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 38

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122040021	Nguyễn Văn Phương	21/12/2004	CCQ2204A			0,0	Cấm thi		
30	2122170703	Trần Hoài Thanh	25/01/2003	CCQ2217R			2,0	2,5	2,3	HL
31	2123260135	Phan Thị Phương Thảo	09/10/2005	CCQ2326D			6,5	4,2	5,1	
32	2122200073	Đoàn Ngọc Minh Thiên	22/05/2004	CCQ2220C			6,5	4,9	5,5	
33	2122190101	Đặng Nguyễn Chí Thiện	06/09/2002	CCQ2219C			6,8	5,0	5,7	
34	2123030226	Nguyễn Trung Thiện	11/02/2005	CCQ2303G			7,0	4,6	5,6	
35	2123170449	Phan Phạm Quốc Thịnh	27/05/2005	CCQ2317M			7,7	4,6	5,8	
36	2122110357	Nguyễn Hoàng Thông	30/07/2004	CCQ2211I			0,0	Cấm thi		
37	2123040013	Nguyễn Văn Thông	10/09/2005	CCQ2304A			0,0	Cấm thi		
38	2121150021	Nguyễn Kim Tiến	15/09/2003	CCQ2115A			7,0	3,0	4,6	HL
39	2123170426	Nguyễn Minh Tiến	04/03/2005	CCQ2317M			8,5	5,4	6,6	
40	2122270012	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	21/02/2004	CCQ2227A			0,0	Cấm thi		
41	2123050056	Nguyễn Công Trí	28/06/2005	CCQ2305B			7,0	2,5	4,3	HL
42	2122170724	Trần Quang Trường	03/05/2004	CCQ2217R			8,3	2,2	4,6	HL
43	2122180092	Phan Thái Tú	20/06/2004	CCQ2218C			8,1	1,6	4,2	HL
44	2122030096	Huỳnh Thiên Tứ	06/12/2004	CCQ2203G			6,9	6,4	6,6	
45	2122170511	Lê Văn Tuấn	09/03/2004	CCQ2217M			3,3			
46	2122030225	Đặng Quang Vĩ	06/01/2003	CCQ2203G			0,0	Cấm thi		
47	2122110098	Vô Đại Vĩ	18/04/2004	CCQ2211C			7,1	4,0	5,2	
48	2123170434	Nguyễn Vũ Thành Viên	24/04/2005	CCQ2317M			8,9	5,6	6,9	
49	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn Vũ	14/03/2004	CCQ2205B			8,2	4,5	6,0	
50	2123040067	Tô Ngọc Vũ	18/08/2005	CCQ2304B			0,0	Cấm thi		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Đ: 36
H: 06

34
C.Thy

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viễn chấm thi 1

G.Viễn chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123110075	Phạm Hoài An	18/04/2005	CCQ2311C			1,8			
2	2123100031	Nguyễn Thị Quế Anh	18/01/2005	CCQ2310A		Lucas	8,5	7,2	7,7	
3	2123260096	Thắm Thị Lan	20/10/2004	CCQ2326C		Anh	10,0	8,5	9,1	
4	2122050070	Thiên Đại	11/08/2004	CCQ2205C		Anh	8,8	5,5	6,8	
5	2123110096	Hồ Quốc Bảo	18/05/2005	CCQ2311C		Bao	7,2	2,1	4,1	
6	2122170338	Nguyễn Văn Quốc Bảo	10/01/2004	CCQ2227B		Bao	6,5	3,2	4,5	
7	2123110029	Bùi Thanh Đông	02/01/2005	CCQ2311A		Do	6,0	0	2,4	
8	2123110479	Hoàng Xuân Hải	09/10/2003	CCQ2311M		Hai	6,4	5,8	6,0	
9	2123170493	Nguyễn Lê Thanh Hải	09/01/2005	CCQ2317N		Hai	8,5	4,5	6,1	
10	2122180126	Trần Trung Hải	11/04/2004	CCQ2218D		Hai	6,0	4,9	5,3	
11	2123170437	Đặng Ngọc Hiền	13/08/2005	CCQ2317M		Hien	9,0	6,1	7,3	
12	2122110267	Đa Hồng Hiệu	14/08/2004	CCQ2211G		Hieu	9,0	6,0	7,2	
13	2123040017	Huỳnh Ngọc Hồ	27/07/2005	CCQ2304A		Hoi	8,0	5,5	6,5	
14	2123170372	Nguyễn Quang Hoài	11/12/2005	CCQ2317K		Hoi	8,1	6,1	6,9	
15	2123170473	Phạm Gia Huân	31/08/2005	CCQ2317N		Huan	10,0	8,3	9,0	
16	2122190111	Phạm Thiên Hương	03/03/2004	CCQ2219D		Huong	7,1	5,2	6,0	
17	2123110155	Nguyễn Quang Huy	02/05/2005	CCQ2311E		Huy	10,0	9,3	9,6	
18	2123200727	Phan Bảo Huy	18/03/2005	CCQ2320G		Huy	9,5	5,5	7,1	
19	2122170390	Nguyễn Trần Đức Hy	25/07/2004	CCQ2205D		Hy	7,3	4,1	5,4	
20	2123170435	Lâu Phùng Khին	14/03/2005	CCQ2317M		Khin	9,3	7,6	8,3	
21	2123060127	Đặng Anh Khoa	15/08/2004	CCQ2306A		Khoa	8,4	5,6	6,7	
22	2122110343	Nguyễn Đăng Khoa	05/01/2004	CCQ2211I		Khoa	6,5	7,5	7,1	
23	2123170401	Nguyễn Minh Khôi	28/01/2005	CCQ2317K		Khoi	7,4	5,9	6,5	
24	2121180104	Hoàng Đình Lặng	15/11/2003	CCQ2118C		Lan	5,0	7,0	6,2	
25	2123190075	Trần Đặng Thị Xuân Lộc	28/04/2005	CCQ2319C		Luo	8,1	4,8	4,3	
26	2122100199	Nguyễn Thục Vân Long	09/11/2004	CCQ2210F		Long	7,6	2,2	4,4	
27	2121170123	Nguyễn Thế Luân	05/11/2003	CCQ2117D			5,0			
28	2123050138	Phạm Nguyễn Công Luận	30/01/2005	CCQ2305C			5,0			

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401603)

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122130076	Hồ Bửu	19/07/2004	CCQ2213C		<i>lưu</i>	8,4	7,2	7,7	
30	2122030039	Đỗ Ngọc	17/10/2004	CCQ2203B			6,0			
31	2122170387	Võ Xuân	05/08/2004	CCQ2205D		<i>chủ ngân</i>	6,9	4,1	5,2	
32	2123210056	Đỗ Thị Tuyết	10/09/2005	CCQ2321B		<i>ngân</i>	9,4	4,9	6,7	
33	2123120662	Hồ Thị Thu	04/03/2005	CCQ2312K		<i>nguy</i>	8,7	6,9	7,6	
34	2123110136	Thạch Trần Trung	26/03/2001	CCQ2311C		<i>hs</i>	7,1	7,8	7,5	
35	2123050148	Phạm Nguyễn Hoàng	17/04/2005	CCQ2305C			0,0			
36	2123050126	Nguyễn Đình	24/10/2005	CCQ2305C			5,0			
37	2122170103	Nguyễn Thành	29/12/2003	CCQ2217C		<i>sau</i>	7,8	4,1	5,6	
38	2122170292	Lương Việt	26/07/2004	CCQ2217H			0,0			
39	2122170597	Hà Văn Thanh	22/06/2003	CCQ2217O		<i>th</i>	9,2	8,2	8,6	
40	2122200098	Huỳnh Công	20/12/2004	CCQ2220C		<i>thai</i>	9,2	4,3	6,3	
41	2122050124	Võ Đức	12/12/2004	CCQ2205D		<i>th</i>	8,6	6,4	7,3	
42	2122100026	Võ Ngọc Anh	10/11/2004	CCQ2210A		<i>anhth</i>	10,0	7,7	8,6	
43	2123110070	Tổng Lê Duy	14/07/2005	CCQ2311B		<i>tr</i>	6,8	5,0	5,7	
44	2123110160	La Quang	25/03/2005	CCQ2311E		<i>ce no</i>	10,0	9,3	9,6	
45	2122210200	Quách Hoàng Phương	06/04/2003	CCQ2221F			0,0			
46	2123200405	Phạm Thị Thanh	16/04/2005	CCQ2320E		<i>th</i>	8,6	5,7	6,9	
47	2122120088	Tổng Thị Như	27/02/2004	CCQ2212C		<i>th</i>	8,4	5,2	6,5	
48	2122200078	Nguyễn Phúc Minh	01/06/2004	CCQ2220C		<i>th</i>	6,0	3,6	4,6	
49	2122100153	Phạm Thị Hồng	03/12/2003	CCQ2210E		<i>th</i>	8,0	7,3	7,6	
50	2123110178	Lê Thanh Phi	27/09/2004	CCQ2311E		<i>th</i>	9,9	8,7	9,2	

(35)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

C. Hòa

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 38.

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122170567	Nguyễn Thành Ánh	02/07/2004	CCQ2217O		<i>Ánh</i>	8,3	8.0	8,1	
2	2122170540	Nguyễn Đức Bảo	16/06/2004	CCQ2217N		<i>Bảo</i>	5,7	1.8	3,4	
3	2122050117	Nguyễn Văn Chương	16/12/2004	CCQ2205D		<i>Chương</i>	8,8	8.1	8,4	
4	2122170615	Trần Văn Võ	Đặng	28/04/2004	CCQ2217P		0,0	0	0	
5	2122030172	Nguyễn Tiến Đạt	18/04/2004	CCQ2203E		<i>Đạt</i>	6,7	5.9	6,2	
6	2122120037	Nguyễn Ngọc Tâm Doan	19/12/2003	CCQ2212A		<i>doan</i>	8,2	5.4	6,5	
7	2122110196	Nguyễn Đình Đoán	10/01/2004	CCQ2211E		<i>Đoán</i>	8,5	4.5	6,1	
8	2122140032	Huỳnh Quang Duy	18/11/2004	CCQ2214A		<i>Duy</i>	6,7	5.0	5,7	
9	2122110290	Lê Anh Duy	12/05/2004	CCQ2222A		<i>Duy</i>	8,0	5.5	6,5	
10	2122270152	Nguyễn Huỳnh Ngọc Hân	21/10/2004	CCQ2227E		<i>ngochan</i>	8,4	2.4	4,8	
11	2122120589	Đào Nhật Hào	03/01/2004	CCQ2212P		<i>Hào</i>	8,3	5.3	6,5	
12	2122140046	Ngô Hoàng	Hào	14/06/2003	CCQ2214B		0,0	/	/	
13	2122120127	Đỗ Minh	Hậu	20/09/2004	CCQ2212D		0,0	/	/	
14	2122030056	Hồ Thế	Hiến	17/12/2004	CCQ2203B		0,0	/	/	
15	2122140051	Đặng Công Hòa	14/03/2004	CCQ2214B		<i>Hòa</i>	6,8	5.4	6,0	
16	2122130024	Trần Thị Kim Hồng	21/03/2004	CCQ2213A		<i>Hồng</i>	6,0	7.8	7,1	
17	2122170481	Hồ Tấn Hưng	18/07/2004	CCQ2222A		<i>Hưng</i>	7,5	5.4	6,2	
18	2122030217	Nguyễn Văn Hưng	25/03/2004	CCQ2203F		<i>Hưng</i>	6,8	4.0	5,1	
19	2122120121	Hồ Thị Diễm Hương	21/07/2004	CCQ2212D		<i>Hương</i>	8,5	0	3,4	
20	2123170443	Lê Trần Dương Khang	08/11/2005	CCQ2317M		<i>Khang</i>	9,0	7.8	8,3	
21	2122170324	Trần Đình	Khuong	09/03/2004	CCQ2217I		2,4	/	/	
22	2122120504	Nguyễn Ngọc Thuý Linh	27/09/2004	CCQ2212K		<i>Linh</i>	6,2	1.2	3,2	
23	2122170668	Trần Tấn	Lợi	18/02/2004	CCQ2217Q		0,0	/	/	
24	2121030059	Trần Văn	Luyện	03/01/2003	CCQ2103B		0,0	/	/	
25	2123170457	Tạ Văn Luyện	09/03/2005	CCQ2317M		<i>Luyện</i>	7,9	3.7	5,4	
26	2122210079	Trần Thị Thanh Mai	09/11/2004	CCQ2221C		<i>Mai</i>	8,3	2.1	4,6	
27	2123110156	Đương Văn	Nam	05/04/2005	CCQ2311E		0,0	/	/	
28	2122170066	Nguyễn Hoài	Nam	19/09/2004	CCQ2217B		0,0	/	/	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

C. Hòa

Cán bộ coi thi 1: Trần Thị Hồng
Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Văn Hùng
G. Viên chấm thi 1: Trần Thị Hồng
G. Viên chấm thi 2: Nguyễn Văn Hùng

Môn học: Anh văn 3 (22401602)

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 38.

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122170539	Kiều Tấn	Nghị	21/02/2004	CCQ2217N		6,3	4.7	5,3	
30	2122170571	Đỗ Thanh	Nhà	14/10/2003	CCQ2217O		6,7	3.8	5,0	
31	2122110432	Hồ Trung	Nhật	02/06/2004	CCQ2211LA		6,8	4.2	5,2	
32	2121030001	Cao Thành	Niên	25/03/2003	CCQ2103A		0,0			
33	2123170428	Nguyễn Huỳnh Thành	Phát	01/12/2004	CCQ2317M	Phát	8,2	4.4	5,9	
34	2122170186	Nguyễn Việt Hoàng	Phúc	21/09/2004	CCQ2217E		0,0			
35	2123170460	Từ Gia	Phúc	28/08/2005	CCQ2317M	Phúc	8,7	6.6	7,4	
36	2122120072	Trần Thị Hồng	Phượng	30/08/2004	CCQ2212C	Phượng	7,8	4.3	5,7	
37	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	CCQ2205B	Quân	8,6	1.3	4,2	
38	2123170433	Nguyễn Thanh	Quân	31/03/2005	CCQ2317M	Quân	8,5	6.0	7,0	
39	2121040010	Vũ Đình	Quân	10/09/2002	CCQ2104A		0,0			
40	2122190020	Hồ Hà Duy	Quang	08/09/2004	CCQ2219A		8,0	7.6	7,8	
41	2122120557	Võ Thị Thu	Quỳnh	08/04/2004	CCQ2212P	Quỳnh	7,2	1.9	4,0	
42	2122030184	Huỳnh Văn Nguyễn	Sách	02/05/2004	CCQ2203F		0,0			
43	2122170503	Bùi Tấn	Thanh	04/11/2004	CCQ2217M		3,9			
44	2121170070	Nguyễn Hữu	Thành	06/11/2003	CCQ2117B		0,0			
45	2122130053	Nguyễn Thị Mỹ	Thoa	08/10/2004	CCQ2213B	Thoa	8,2	5.9	6,8	
46	2122130007	Phan Lệ	Thoa	10/04/2004	CCQ2213A	Thoa	7,0	6.7	6,8	
47	2122170074	Nguyễn Quốc	Thuận	23/05/2004	CCQ2217B		0,0			
48	2122220010	Nguyễn Văn	Thuận	12/10/2004	CCQ2222A	Thuận	7,8	4.3	5,7	
49	2122120410	Lê Thị	Thúy	16/03/2004	CCQ2212L	Thúy	7,0	1.7	3,8	
50	2122170582	Nguyễn Hồng	Tiến	09/10/2004	CCQ2217O	Hồng	5,5	3.3	4,2	
51	2122100237	Lê Thị Công	Tính	24/07/2004	CCQ2210G	Tính	6,8	4.4	5,4	
52	2121210047	Lê Anh	Tuấn	16/03/2001	CCQ2121B		0,0			
53	2122140035	Trần Hoài	Vĩnh	02/03/2004	CCQ2214B	Vĩnh	8,4	7.4	7,8	
54	2122110463	Lương Đức Thế	Vũ	25/04/2004	CCQ2211K	Thế	9,5	7.7	8,4	
55	2122130075	Trương Thị	Vy	03/04/2004	CCQ2212M	Vy	6,8	4.9	5,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

D. 3E
H. 04

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 42

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050122	Nguyễn Chí An	15/11/2004	CCQ2205D		An	7,0	3,9	5,1	
2	2123260130	Đỗ Thị An	04/05/2005	CCQ2326D		B	6,0	3,0	4,2	
3	2122120294	Chế Công Chiến	19/02/2004	CCQ2212I		Chiến	6,8	7,6	7,3	
4	2123260082	Lê Thị Kim Cúc	12/10/2005	CCQ2326C		Cúc	7,8	7,7	7,7	
5	2123200337	Bùi Bảo Đa	28/11/2005	CCQ2320D		-Da	6,5	6,1	6,3	
6	2122220025	Nguyễn Quốc Đạt	28/01/2004	CCQ2222A			5,0			
7	2122200151	Nguyễn Tấn Đạt	21/01/2004	CCQ2220E		Đạt	9,5	3,0	5,6	
8	2123120544	Phạm Minh Đạt	20/12/2005	CCQ2312I		Đạt	6,7	5,4	5,9	
9	2122170281	Phan Trần Thái Đạt	20/04/2002	CCQ2217G		Đạt	5,0	2,5	3,5	
10	2122050142	Dương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C		Dũng	7,3	6,8	7,0	
11	2123170598	Trần Văn Dũng	15/05/2005	CCQ2317Q		Dũng	6,5	6,2	6,3	
12	2122050040	Vũ Văn Hùng Dũng	23/09/2003	CCQ2205B		Dũng	7,0	0,8	3,3	
13	2123120209	Lê Hoàng Dương	07/03/2005	CCQ2312D		Dương	8,4	6,5	7,3	
14	2123170540	Phạm Đăng Dương	17/10/2005	CCQ2317P		Dương	8,5	5,9	6,9	
15	2122180107	Nguyễn Anh Tuấn	26/07/2003	CCQ2218LA		Tuấn	8,0	4,2	5,7	
16	2122170718	Lê Văn Hà	25/09/2004	CCQ2217R		Hà	8,8	4,0	5,9	
17	2123270143	Lý Thị Thu Hà	11/12/2004	CCQ2327B		Hà	8,7	3,5	5,6	
18	2123120563	Phạm Hải Hà	09/09/2005	CCQ2312J			0,0			
19	2123200492	Trần Thị Kim Hằng	07/05/2005	CCQ2320F		Hằng	7,0	5,2	5,9	
20	2122120500	Vân Thị Thuý Hằng	03/09/2003	CCQ2212I		Thuý	8,6	7,4	7,9	
21	2123000225	Trương Thiên Hậu	23/08/2004	CCQ2306A			0,0			
22	2123260104	Lê Thị Thu Hiền	08/07/2005	CCQ2326C		Huê	9,2	8,3	8,7	
23	2123170559	Cao Khả Hoàn	25/07/2005	CCQ2317P		Hoàn	9,2	7,9	8,4	
24	2122170236	Nguyễn Quốc Huân	26/09/2004	CCQ2217F		Huân	8,5	4,1	5,9	
25	2122120300	Trần Thị Thu Huệ	12/08/2004	CCQ2212I			0,0			
26	2123120548	Nguyễn Trọng Hưng	27/04/2005	CCQ2312I		Hưng	8,2	5,5	6,6	
27	2123200494	Phan Nguyễn Minh Huy	02/04/2005	CCQ2320F		Huy	9,1	5,9	7,2	
28	2123260088	Lê Nguyễn Trung Kiên	22/05/2005	CCQ2326C		Kiên	8,8	8,1	8,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 3 (22401604)

Ngày thi: 13/11/2025

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
29	2122260061	Võ Trà My	26/10/2004	CCQ2226B		My	6,5	4,8	5,5	
30	2123200282	Trần Thị Thanh	16/05/2004	CCQ2320C		Nguyễn	8,4	5,3	6,5	
31	2123120547	Trần Minh	05/01/2005	CCQ2312I		Minh	8,4	7,1	7,6	
32	2123120537	Trần Huỳnh Trọng	20/12/2005	CCQ2312I		Trần	7,0	7,9	7,5	
33	2123200493	Trần Thị Trúc	28/01/2005	CCQ2320F		Trần	6,5	6,0	6,2	
34	2122050090	Trần Văn	02/10/2004	CCQ2205C		Quỳnh	7,4	6,3	6,7	
35	2122060076	Nguyễn Thanh	25/05/2004	CCQ2206B		Sáng	7,9	4,8	6,0	
36	2122120560	Phạm Ngọc	24/04/2004	CCQ2212P			0,0			
37	2123200165	Đặng Thị Thanh	27/03/2005	CCQ2320B		Thanh	8,0	3,0	5,0	
38	2122050073	Phan Hữu	12/12/2004	CCQ2206B		Thi	7,6	5,0	6,0	
39	2122120292	Lê Huy	27/02/2004	CCQ2212I			0,0			
40	2123120566	Nguyễn Văn	16/10/2005	CCQ2312J		Nguyễn	9,0	7,8	8,3	
41	2122120225	Nguyễn Thị Minh	28/06/2004	CCQ2212G		Minh	6,0	4,5	5,1	
42	2123260094	Nguyễn Thị Mỹ	27/03/2005	CCQ2326C		Trâm	9,4	7,6	8,3	
43	2123200022	Nguyễn Thị Quỳnh	04/05/2005	CCQ2320A		Trâm	6,3	4,6	5,3	
44	2123260121	Quách Thị Ngọc	27/07/2005	CCQ2326D			0,0			
45	2123200381	Đặng Lê Ngọc	16/05/2005	CCQ2320D		Trí	5,0	2,2	3,3	
46	2122150019	Nguyễn Minh	01/11/2003	CCQ2215B		Trí	8,6	3,6	5,6	
47	2122170423	Nguyễn Minh	03/02/2004	CCQ2217K		Trí	5,0	5,0	5,0	
48	2123200716	Hồ Thị Ánh	25/06/2005	CCQ2320G		Tuyết	8,9	4,6	6,3	
49	2121172027	Trần Văn	20/05/2002	CCQ2117LA		Vũ	8,8	3,6	5,7	
50	2122270055	Bùi Kim	23/10/2004	CCQ2227B			0,0			